ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Đính kèm quyết định số: 4951/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5*	*5=6*	*6=7+8*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11*
		TỔNG CỘNG				-	-	-	-	-	-	-	-	
1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục)	422	070	098	**(25.671.338)**	**(25.671.338)**	**(25.671.338)**	(25.671.338)	(27.546.938)	1.875.600	1.042.000	833.600	
		CỘNG				**25.671.338**	**25.671.338**	**25.671.338**	**25.671.338**	**27.546.938**	**(1.875.600)**	**(1.042.000)**	**(833.600)**	-
2	1042363	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	422	070	071	**13.469**	**13.469**	**13.469**	13.469	13.469	-	-	-	
3	1006377	Trường Mầm non Thành phố	422	070	071	**15.914**	**15.914**	**15.914**	15.914	15.914	-	-	-	
4	1032812	Trường Mầm non Nam Sài Gòn	422	070	071	**13.396**	**13.396**	**13.396**	13.396	13.396	-	-	-	
5	1042683	Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	422	070	072	**10.541**	**10.541**	**10.541**	10.541	10.541	-	-	-	
6	1015952	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Bình Chánh	422	070	072	**22.230**	**22.230**	**22.230**	22.230	22.230	-	-	-	
7	1086114	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	422	070	072	**11.651**	**11.651**	**11.651**	11.651	11.651	-	-	-	
8	1006376	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	422	070	075	**14.425**	**14.425**	**14.425**	14.425	14.425	-	-	-	
9	1052360	Trung tâm GDTX Chu Văn An	422	070	075	**83.220**	**83.220**	**83.220**	83.220	83.220	-	-	-	
10	1076866	Trung tâm GD KTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	422	070	075	**86.063**	**86.063**	**86.063**	86.063	86.063	-	-	-	
11	1035658	Trung tâm GDTX Gia Định	422	070	075	**28.642**	**28.642**	**28.642**	28.642	28.642	-	-	-	
12	1072912	Trường THPT Bùi Thị Xuân	422	070	074	**148.964**	**148.964**	**148.964**	148.964	148.964	-	-	-	
13	1061105	Trường THPT Trưng Vương	422	070	074	**213.150**	**213.150**	**213.150**	213.150	213.150	-	-	-	
14	1060634	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	422	070	074	**170.474**	**170.474**	**170.474**	170.474	170.474	-	-	-	
15	1133410	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	422	070	074	**130.933**	**130.933**	**130.933**	130.933	130.933	-	-	-	
16	1069844	Trường THPT Ten Lơ Man	422	070	074	**120.461**	**120.461**	**120.461**	120.461	120.461	-	-	-	
17	1086001	Trường THPT Lương Thế Vinh	422	070	074	**144.942**	**144.942**	**144.942**	144.942	144.942	-	-	-	
18	1069843	Trường THPT Giồng Ông Tố	422	070	074	**170.937**	**170.937**	**170.937**	170.937	170.937	-	-	-	
19	1003700	Trường THPT Thủ Thiêm	422	070	074	**183.435**	**183.435**	**183.435**	183.435	183.435	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	B	C	D	E	F	3	4=5	5=6	6=7+8	7	8=9+10	9	10	11
20	1003702	Trường THPT Lê Quý Đôn	422	070	074	**105.967**	**105.967**	**105.967**	105.967	105.967	-	-	-	
21	1039166	Trường THPT Marie Curie	422	070	074	**238.505**	**238.505**	**238.505**	238.505	238.505	-	-	-	
22	1008124	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	422	070	074	**150.698**	**150.698**	**150.698**	150.698	150.698	-	-	-	
23	1046716	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	422	070	074	**141.751**	**141.751**	**141.751**	141.751	141.751	-	-	-	
24	1060559	Trường THPT Nguyễn Trãi	422	070	074	**125.038**	**125.038**	**125.038**	125.038	125.038	-	-	-	
25	1076001	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	422	070	074	**157.494**	**157.494**	**157.494**	157.494	157.494	-	-	-	
26	1042857	Trường THPT Hùng Vương	422	070	074	**218.938**	**218.938**	**218.938**	218.938	218.938	-	-	-	
27	1071559	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	422	070	074	**152.431**	**152.431**	**152.431**	152.431	152.431	-	-	-	
28	1068661	Trường THPT Trần Khai Nguyên	422	070	074	**193.059**	**193.059**	**193.059**	193.059	193.059	-	-	-	
29	1010342	Trường THPT Trần Hữu Trang	422	070	074	**83.636**	**83.636**	**83.636**	83.636	83.636	-	-	-	
30	1058084	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	422	070	074	**211.032**	**211.032**	**211.032**	211.032	211.032	-	-	-	
31	1060635	Trường THPT Bình Phú	422	070	074	**140.989**	**140.989**	**140.989**	140.989	140.989	-	-	-	
32	1109454	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	422	070	074	**165.677**	**165.677**	**165.677**	165.677	165.677	-	-	-	
33	1125719	Trường THPT Phạm Phú Thứ	422	070	074	**150.906**	**150.906**	**150.906**	150.906	150.906	-	-	-	
34	1040081	Trường THPT Lê Thánh Tôn	422	070	074	**126.286**	**126.286**	**126.286**	126.286	126.286	-	-	-	
35	1001956	Trường THPT Ngô Quyền	422	070	074	**154.304**	**154.304**	**154.304**	154.304	154.304	-	-	-	
36	1038773	Trường THPT Tân Phong	422	070	074	**129.685**	**129.685**	**129.685**	129.685	129.685	-	-	-	
37	1060564	Trường THPT Lương Văn Can	422	070	074	**140.850**	**140.850**	**140.850**	140.850	140.850	-	-	-	
38	1040014	Trường THPT Ngô Gia Tự	422	070	074	**124.969**	**124.969**	**124.969**	124.969	124.969	-	-	-	
39	1037221	Trường THPT Tạ Quang Bửu	422	070	074	**131.834**	**131.834**	**131.834**	131.834	131.834	-	-	-	
40	1076008	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Nguyễn Thị Định	422	070	074	**116.577**	**116.577**	**116.577**	116.577	116.577	-	-	-	
41	1105244	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	422	070	074	**112.000**	**112.000**	**112.000**	112.000	112.000	-	-	-	
42	1122500	Trường THPT Võ Văn Kiệt	422	070	074	**133.152**	**133.152**	**133.152**	133.152	133.152	-	-	-	
43	1040223	Trường THPT Nguyễn Huệ	422	070	074	**149.449**	**149.449**	**149.449**	149.449	149.449	-	-	-	
44	1040247	Trường THPT Phước Long	422	070	074	**183.627**	**183.627**	**183.627**	183.627	183.627	-	-	-	
45	1043924	Trường THPT Long Trường	422	070	074	**158.945**	**158.945**	**158.945**	158.945	158.945	-	-	-	
46	1110143	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	422	070	074	**209.561**	**209.561**	**209.561**	209.561	209.561	-	-	-	
47	1016211	Trường THPT Nguyễn Du	422	070	074	**116.855**	**116.855**	**116.855**	116.855	116.855	-	-	-	
48	1040082	Trường THPT Nguyễn An Ninh	422	070	074	**149.380**	**149.380**	**149.380**	149.380	149.380	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5*	*5=6*	*6=7+8*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11*
49	1058491	Trường THPT Nguyễn Khuyến	422	070	074	**160.823**	**160.823**	**160.823**	160.823	160.823	-	-	-	
50	1049798	Trường THCS - THPT Diên Hồng	422	070	074	**111.862**	**111.862**	**111.862**	111.862	111.862	-	-	-	
51	1045805	Trường THCS - THPT Sương Nguyệt Anh	422	070	074	**103.470**	**103.470**	**103.470**	103.470	103.470	-	-	-	
52	1040251	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	422	070	074	**168.784**	**168.784**	**168.784**	168.784	168.784	-	-	-	
53	1060858	Trường THPT Nguyễn Hiền	422	070	074	**100.280**	**100.280**	**100.280**	100.280	100.280	-	-	-	
54	1086050	Trường THPT Trần Quang Khải	422	070	074	**178.646**	**178.646**	**178.646**	178.646	178.646	-	-	-	
55	1003701	Trường THPT Võ Trường Toản	422	070	074	**130.378**	**130.378**	**130.378**	130.378	130.378	-	-	-	
56	1042858	Trường THPT Thạnh Lộc	422	070	074	**158.326**	**158.326**	**158.326**	158.326	158.326	-	-	-	
57	1038766	Trường THPT Trường Chinh	422	070	074	**186.898**	**186.898**	**186.898**	186.898	186.898	-	-	-	
58	1008063	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	422	070	074	**131.834**	**131.834**	**131.834**	131.834	131.834	-	-	-	
59	1060778	Trường THPT Tân Bình	422	070	074	**157.702**	**157.702**	**157.702**	157.702	157.702	-	-	-	
60	1046613	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	422	070	074	**145.496**	**145.496**	**145.496**	145.496	145.496	-	-	-	
61	1068660	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	422	070	074	**157.216**	**157.216**	**157.216**	157.216	157.216	-	-	-	
62	1042466	Trường THPT Trần Phú	422	070	074	**165.469**	**165.469**	**165.469**	165.469	165.469	-	-	-	
63	1032621	Trường THPT Tây Thạnh	422	070	074	**203.750**	**203.750**	**203.750**	203.750	203.750	-	-	-	
64	1125808	Trường THPT Lê Trọng Tấn	422	070	074	**132.597**	**132.597**	**132.597**	132.597	132.597	-	-	-	
65	1039169	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	422	070	074	**222.984**	**222.984**	**222.984**	222.984	222.984	-	-	-	
66	1042552	Trường THPT Thanh Đa	422	070	074	**130.447**	**130.447**	**130.447**	130.447	130.447	-	-	-	
67	1039987	Trường THPT Gia Định	422	070	074	**218.538**	**218.538**	**218.538**	218.538	218.538	-	-	-	
68	1060563	Trường THPT Phan Đăng Lưu	422	070	074	**143.208**	**143.208**	**143.208**	143.208	143.208	-	-	-	
69	1073003	Trường THPT Võ Thị Sáu	422	070	074	**242.657**	**242.657**	**242.657**	242.657	242.657	-	-	-	
70	1114361	Trường THPT Trần Văn Giàu	422	070	074	**144.179**	**144.179**	**144.179**	144.179	144.179	-	-	-	
71	1052865	Trường THPT Phú Nhuận	422	070	074	**182.622**	**182.622**	**182.622**	182.622	182.622	-	-	-	
72	1046742	Trường THPT Hàn Thuyên	422	070	074	**126.702**	**126.702**	**126.702**	126.702	126.702	-	-	-	
73	1046616	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	422	070	074	**228.798**	**228.798**	**228.798**	228.798	228.798	-	-	-	
74	1069842	Trường THPT Gò Vấp	422	070	074	**166.896**	**166.896**	**166.896**	166.896	166.896	-	-	-	
75	1040248	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	422	070	074	**222.386**	**222.386**	**222.386**	222.386	222.386	-	-	-	
76	1037383	Trường THPT Trần Hưng Đạo	422	070	074	**245.813**	**245.813**	**245.813**	245.813	245.813	-	-	-	
77	1058082	Trường THPT Tam Phú	422	070	074	**132.736**	**132.736**	**132.736**	132.736	132.736	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5*	*5=6*	*6=7+8*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11*
78	1014981	Trường THPT Thủ Đức	422	070	074	**177.536**	**177.536**	**177.536**	177.536	177.536	-	-	-	
79	1046744	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	422	070	074	**146.051**	**146.051**	**146.051**	146.051	146.051	-	-	-	
80	1037384	Trường THPT Hiệp Bình	422	070	074	**168.777**	**168.777**	**168.777**	168.777	168.777	-	-	-	
81	1118192	Trường THPT Đào Sơn Tây	422	070	074	**209.489**	**209.489**	**209.489**	209.489	209.489	-	-	-	
82	1127196	Trường THPT Linh Trung	422	070	074	**253.521**	**253.521**	**253.521**	253.521	253.521	-	-	-	
83	1046743	Trường THPT An Nhơn Tây	422	070	074	**173.138**	**173.138**	**173.138**	173.138	173.138	-	-	-	
84	1073929	Trường THPT Củ Chi	422	070	074	**184.851**	**184.851**	**184.851**	184.851	184.851	-	-	-	
85	1042554	Trường THPT Quang Trung	422	070	074	**127.535**	**127.535**	**127.535**	127.535	127.535	-	-	-	
86	1042734	Trường THPT Trung Phú	422	070	074	**142.930**	**142.930**	**142.930**	142.930	142.930	-	-	-	
87	1037222	Trường THPT Trung Lập	422	070	074	**111.321**	**111.321**	**111.321**	111.321	111.321	-	-	-	
88	1038764	Trường THPT Phú Hòa	422	070	074	**149.198**	**149.198**	**149.198**	149.198	149.198	-	-	-	
89	1038540	Trường THPT Tân Thông Hội	422	070	074	**161.681**	**161.681**	**161.681**	161.681	161.681	-	-	-	
90	1014727	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074	**122.888**	**122.888**	**122.888**	122.888	122.888	-	-	-	
91	1046617	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074	**134.678**	**134.678**	**134.678**	134.678	134.678	-	-	-	
92	1046615	Trường THPT Bà Điểm	422	070	074	**144.248**	**144.248**	**144.248**	144.248	144.248	-	-	-	
93	1076003	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	422	070	074	**126.841**	**126.841**	**126.841**	126.841	126.841	-	-	-	
94	1043921	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	422	070	074	**126.841**	**126.841**	**126.841**	126.841	126.841	-	-	-	
95	1114460	Trường THPT Phạm Văn Sáng	422	070	074	**148.340**	**148.340**	**148.340**	148.340	148.340	-	-	-	
96	1058527	Trường THPT An Lạc	422	070	074	**175.136**	**175.136**	**175.136**	175.136	175.136	-	-	-	
97	1086051	Trường THPT Vĩnh Lộc	422	070	074	**189.684**	**189.684**	**189.684**	189.684	189.684	-	-	-	
98	1110106	Trường THPT Bình Tân	422	070	074	**167.271**	**167.271**	**167.271**	167.271	167.271	-	-	-	
99	1110153	Trường THPT Bình Hưng Hòa	422	070	074	**158.118**	**158.118**	**158.118**	158.118	158.118	-	-	-	
100	1105299	Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	422	070	074	**166.640**	**166.640**	**166.640**	166.640	166.640	-	-	-	
101	1058492	Trường THPT Bình Chánh	422	070	074	**179.219**	**179.219**	**179.219**	179.219	179.219	-	-	-	
102	1061104	Trường THPT Đa Phước	422	070	074	**117.438**	**117.438**	**117.438**	117.438	117.438	-	-	-	
103	1039986	Trường THPT Lê Minh Xuân	422	070	074	**151.322**	**151.322**	**151.322**	151.322	151.322	-	-	-	
104	1118191	Trường THPT Tân Túc	422	070	074	**167.045**	**167.045**	**167.045**	167.045	167.045	-	-	-	
105	1120603	Trường THPT Vĩnh Lộc B	422	070	074	**174.607**	**174.607**	**174.607**	174.607	174.607	-	-	-	
106	1125803	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Bình Chánh	422	070	074	**111.540**	**111.540**	**111.540**	111.540	111.540	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	B	C	D	E	F	3	4=5	5=6	6=7+8	7	8=9+10	9	10	11
107	1050023	Trường THPT Long Thới	422	070	074	**111.920**	**111.920**	**111.920**	111.920	111.920	-	-	-	
108	1104505	Trường THPT Phước Kiển	422	070	074	**157.577**	**157.577**	**157.577**	157.577	157.577	-	-	-	
109	1120604	Trường THPT Dương Văn Dương	422	070	074	**165.699**	**165.699**	**165.699**	165.699	165.699	-	-	-	
110	1035494	Trường THPT Bình Khánh	422	070	074	**63.663**	**63.663**	**63.663**	63.663	63.663	-	-	-	
111	1035432	Trường THPT Cần Thạnh	422	070	074	**66.721**	**66.721**	**66.721**	66.721	66.721	-	-	-	
112	1104035	Trường THPT An Nghĩa	422	070	074	**62.415**	**62.415**	**62.415**	62.415	62.415	-	-	-	
113	1127428	Trường THCS - THPT Thạnh An	422	070	074	**23.232**	**23.232**	**23.232**	23.232	23.232	-	-	-	
114	1129175	Trường THPT Hồ Thị Bi	422	070	074	**131.488**	**131.488**	**131.488**	131.488	131.488	-	-	-	
115	1129141	Trường THPT Dương Văn Thì	422	070	074	**128.852**	**128.852**	**128.852**	128.852	128.852	-	-	-	
116	1129109	Trường THPT Phong Phú	422	070	074	**128.554**	**128.554**	**128.554**	128.554	128.554	-	-	-	
117	1129198	Trường THPT Bình Chiểu	422	070	074	**165.305**	**165.305**	**165.305**	165.305	165.305	-	-	-	
118	1035599	Trường THPT năng khiếu Thể dục Thể thao	422	070	074	**54.856**	**54.856**	**54.856**	54.856	54.856	-	-	-	
119	1154372	Trường THPT Hoàng Thế Thiện	422	070	074	**100.877**	**100.877**	**100.877**	100.877	100.877	-	-	-	
120	1080927	Trường THPT Nam Sài Gòn	422	070	074	**314.298**	**314.298**	**314.298**	314.298	314.298	-	-	-	
121	1129237	Trung tâm GDTX và BDNV Bình Dương	422	070	075	**191.772**	**191.772**	**191.772**	191.772	191.772	-	-	-	
122	1085121	Trường THPT An Mỹ	422	070	074	**142.653**	**142.653**	**142.653**	142.653	142.653	-	-	-	
123	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074	**71.708**	**71.708**	**71.708**	71.708	71.708	-	-	-	
124	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074	**110.336**	**110.336**	**110.336**	110.336	110.336	-	-	-	
125	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074	**146.400**	**146.400**	**146.400**	146.400	146.400	-	-	-	
126	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074	**140.295**	**140.295**	**140.295**	140.295	140.295	-	-	-	
127	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074	**143.000**	**143.000**	**143.000**	143.000	143.000	-	-	-	
128	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074	**112.070**	**112.070**	**112.070**	112.070	112.070	-	-	-	
129	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074	**124.622**	**124.622**	**124.622**	124.622	124.622	-	-	-	
130	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074	**115.745**	**115.745**	**115.745**	115.745	115.745	-	-	-	
131	1085127	Trường THPT Trần Văn Ơn	422	070	074	**115.815**	**115.815**	**115.815**	115.815	115.815	-	-	-	
132	1131135	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074	**146.953**	**146.953**	**146.953**	146.953	146.953	-	-	-	
133	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074	**111.099**	**111.099**	**111.099**	111.099	111.099	-	-	-	
134	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074	**113.318**	**113.318**	**113.318**	113.318	113.318	-	-	-	
135	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074	**95.703**	**95.703**	**95.703**	95.703	95.703	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5*	*5=6*	*6=7+8*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11*
136	1084061	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	422	070	074	**112.694**	**112.694**	**112.694**	112.694	112.694	-	-	-	
137	1084062	Trường THPT Dĩ An	422	070	074	**106.175**	**106.175**	**106.175**	106.175	106.175	-	-	-	
138	1084063	Trường THPT Bình An	422	070	074	**100.003**	**100.003**	**100.003**	100.003	100.003	-	-	-	
139	1130393	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	422	070	074	**151.252**	**151.252**	**151.252**	151.252	151.252	-	-	-	
140	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074	**121.673**	**121.673**	**121.673**	121.673	121.673	-	-	-	
141	1120440	Trường THPT Phước Hoà	422	070	074	**53.469**	**53.469**	**53.469**	53.469	53.469	-	-	-	
142	1032948	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074	**92.721**	**92.721**	**92.721**	92.721	92.721	-	-	-	
143	1065495	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074	**125.756**	**125.756**	**125.756**	125.756	125.756	-	-	-	
144	1122151	Trường THPT Long Hòa	422	070	074	**50.212**	**50.212**	**50.212**	50.212	50.212	-	-	-	
145	1085119	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074	**152.880**	**152.880**	**152.880**	152.880	152.880	-	-	-	
146	1128990	Trường THCS và THPT Minh Hòa	422	070	074	**115.396**	**115.396**	**115.396**	115.396	115.396	-	-	-	
147	1085120	Trường THPT Dầu Tiếng	422	070	074	**77.223**	**77.223**	**77.223**	77.223	77.223	-	-	-	
148	1067145	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074	**51.874**	**51.874**	**51.874**	51.874	51.874	-	-	-	
149	1015604	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	422	070	074	**78.040**	**78.040**	**78.040**	78.040	78.040	-	-	-	
150	1065497	Trường THPT Thường Tân	422	070	074	**67.408**	**67.408**	**67.408**	67.408	67.408	-	-	-	
151	1084068	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074	**130.170**	**130.170**	**130.170**	130.170	130.170	-	-	-	
152	1014283	Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm Thị Hữu Nghị	422	070	072	**13.914**	**13.914**	**13.914**	13.914	13.914	-	-	-	
153	1014287	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật Bà Rịa	422	070	072	**23.940**	**23.940**	**23.940**	23.940	23.940	-	-	-	
154	1080598	Trường Phổ thông DTNT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	**29.127**	**29.127**	**29.127**	29.127	29.127	-	-	-	
155	1015959	Trường THPT Chuyên Lê Quí Đôn	422	070	074	**93.553**	**93.553**	**93.553**	93.553	93.553	-	-	-	
156	1014282	Trường THPT Vũng Tàu	422	070	074	**161.516**	**161.516**	**161.516**	161.516	161.516	-	-	-	
157	1015809	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	422	070	074	**177.755**	**177.755**	**177.755**	177.755	177.755	-	-	-	
158	1015958	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	422	070	074	**138.631**	**138.631**	**138.631**	138.631	138.631	-	-	-	
159	1064445	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**201.524**	**201.524**	**201.524**	201.524	201.524	-	-	-	
160	1130341	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Ria - Vũng Tàu	422	070	074	**175.959**	**175.959**	**175.959**	175.959	175.959	-	-	-	
161	1015810	Trường THPT Châu Thành	422	070	074	**105.204**	**105.204**	**105.204**	105.204	105.204	-	-	-	
162	1087509	Trường THPT Bà Rịa	422	070	074	**101.251**	**101.251**	**101.251**	101.251	101.251	-	-	-	
163	1017526	Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	422	070	074	**105.759**	**105.759**	**105.759**	105.759	105.759	-	-	-	
164	1015802	Trường THPT Trần Văn Quan	422	070	074	**106.020**	**106.020**	**106.020**	106.020	106.020	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5*	*5=6*	*6=7+8*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11*
165	1087510	Trường THPT Trần Quang Khải - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**108.927**	**108.927**	**108.927**	108.927	108.927	-	-	-	
166	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074	**92.181**	**92.181**	**92.181**	92.181	92.181	-	-	-	
167	1087508	Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh	422	070	074	**83.081**	**83.081**	**83.081**	83.081	83.081	-	-	-	
168	1015803	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa- Vũng Tàu	422	070	074	**93.553**	**93.553**	**93.553**	93.553	93.553	-	-	-	
169	1087511	Trường THPT Dương Bạch Mai	422	070	074	**78.782**	**78.782**	**78.782**	78.782	78.782	-	-	-	
170	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074	**190.411**	**190.411**	**190.411**	190.411	190.411	-	-	-	
171	1080497	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**78.712**	**78.712**	**78.712**	78.712	78.712	-	-	-	
172	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**73.164**	**73.164**	**73.164**	73.164	73.164	-	-	-	
173	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**70.876**	**70.876**	**70.876**	70.876	70.876	-	-	-	
174	1004460	Trường THPT Trần Phú -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**80.793**	**80.793**	**80.793**	80.793	80.793	-	-	-	
175	1015808	Trường THPT Ngô Quyền -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	**75.175**	**75.175**	**75.175**	75.175	75.175	-	-	-	
176	1080602	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	**125.870**	**125.870**	**125.870**	125.870	125.870	-	-	-	
177	1015806	Trường THPT Hắc Dịch	422	070	074	**127.257**	**127.257**	**127.257**	127.257	127.257	-	-	-	
178	1104499	Trường THPT Bưng Riềng	422	070	074	**72.332**	**72.332**	**72.332**	72.332	72.332	-	-	-	
179	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074	**78.019**	**78.019**	**78.019**	78.019	78.019	-	-	-	
180	1015956	Trường THPT Hòa Bình	422	070	074	**77.533**	**77.533**	**77.533**	77.533	77.533	-	-	-	
181	1004457	Trường THPT Hòa Hội	422	070	074	**69.350**	**69.350**	**69.350**	69.350	69.350	-	-	-	
182	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074	**74.759**	**74.759**	**74.759**	74.759	74.759	-	-	-	
183	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075	**47.158**	**47.158**	**47.158**	47.158	47.158	-	-	-	
184	1021428	Trung tâm GDTX tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	075	**57.630**	**57.630**	**57.630**	57.630	57.630	-	-	-	
185	1007326	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	422	070	075	**38.975**	**38.975**	**38.975**	38.975	38.975	-	-	-	
186	1007327	Trung tâm GDTX Long Điền- Đất Đỏ	422	070	075	**41.207**	**41.207**	**41.207**	41.207	41.207	-	-	-	
187	1002758	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Châu Đức	422	070	075	**47.158**	**47.158**	**47.158**	47.158	47.158	-	-	-	
188	1052914	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc	422	070	075	**43.136**	**43.136**	**43.136**	43.136	43.136	-	-	-	
189	1052920	Trường THPT Võ Thị Sáu- Côn Đảo	422	070	074	**31.485**	**31.485**	**31.485**	31.485	31.485	-	-	-	
190	1048040	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật huyện Củ Chi	422	070	072	**(84.123)**	**(84.123)**	**(84.123)**	(84.123)	14.877	(99.000)	(55.000)	(44.000)	
191	1042040	Trường Chuyên biệt Ánh Dương Quận 12	422	070	072	**(195.756)**	**(195.756)**	**(195.756)**	(195.756)	16.644	(212.400)	(118.000)	(94.400)	
192	1086283	Trường Chuyên biệt Bình Minh	422	070	072	**(194.443)**	**(194.443)**	**(194.443)**	(194.443)	15.257	(209.700)	(116.500)	(93.200)	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5*	*5=6*	*6=7+8*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11*
193	1038803	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng quận Gò Vấp	422	070	072	**(121.897)**	**(121.897)**	**(121.897)**	(121.897)	10.403	(132.300)	(73.500)	(58.800)	
194	1035856	Trường Giáo dục Chuyên biệt Niềm Tin	422	070	072	**(61.684)**	**(61.684)**	**(61.684)**	(61.684)	6.716	(68.400)	(38.000)	(30.400)	
195	1052097	Trường Giáo dục Chuyên biệt Tương Lai	422	070	072	**(139.145)**	**(139.145)**	**(139.145)**	(139.145)	4.855	(144.000)	(80.000)	(64.000)	
196	1035858	Trường Tương Lai Quận 3	422	070	072	**(36.341)**	**(36.341)**	**(36.341)**	(36.341)	3.259	(39.600)	(22.000)	(17.600)	
197	1080459	Trường Chuyên biệt Tương Lai Quận 5	422	070	072	**(124.459)**	**(124.459)**	**(124.459)**	(124.459)	10.541	(135.000)	(75.000)	(60.000)	
198	1086031	Trường Chuyên biệt Quận 10	422	070	072	**(71.981)**	**(71.981)**	**(71.981)**	(71.981)	10.819	(82.800)	(46.000)	(36.800)	
199	1066368	Trường Giáo dục Chuyên biệt 15/5	422	070	072	**(103.281)**	**(103.281)**	**(103.281)**	(103.281)	6.519	(109.800)	(61.000)	(48.800)	
200	1007515	Trường Hy Vọng Quận 6	422	070	072	**(50.310)**	**(50.310)**	**(50.310)**	(50.310)	11.790	(62.100)	(34.500)	(27.600)	
201	1120923	Trường Chuyên biệt Bình Tân	422	070	072	**(109.899)**	**(109.899)**	**(109.899)**	(109.899)	19.701	(129.600)	(72.000)	(57.600)	
202	1126933	Trường Chuyên biệt 1 tháng 6	422	070	072	**(73.507)**	**(73.507)**	**(73.507)**	(73.507)	9.293	(82.800)	(46.000)	(36.800)	
203	1072246	Trường Hy Vọng Quận 8	422	070	072	**(48.378)**	**(48.378)**	**(48.378)**	(48.378)	8.322	(56.700)	(31.500)	(25.200)	
204	1079157	Trường Giáo dục Chuyên biệt Thảo Điền	422	070	072	**(124.391)**	**(124.391)**	**(124.391)**	(124.391)	9.709	(134.100)	(74.500)	(59.600)	
205	1086748	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	422	070	072	**(172.589)**	**(172.589)**	**(172.589)**	(172.589)	4.711	(177.300)	(98.500)	(78.800)	
206	1127990	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Củ Chi	422	070	075	**130.644**	**130.644**	**130.644**	130.644	130.644	-	-	-	
207	1128388	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hóc Môn	422	070	075	**83.107**	**83.107**	**83.107**	83.107	83.107	-	-	-	
208	1127135	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	422	070	075	**362.354**	**362.354**	**362.354**	362.354	362.354	-	-	-	
209	1130465	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 3	422	070	075	**55.951**	**55.951**	**55.951**	55.951	55.951	-	-	-	
210	1126539	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình	422	070	075	**62.871**	**62.871**	**62.871**	62.871	62.871	-	-	-	
211	1126618	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Phú	422	070	075	**103.328**	**103.328**	**103.328**	103.328	103.328	-	-	-	
212	1127053	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Gò Vấp	422	070	075	**67.686**	**67.686**	**67.686**	67.686	67.686	-	-	-	
213	1127159	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	422	070	075	**42.924**	**42.924**	**42.924**	42.924	42.924	-	-	-	
214	1126763	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 1	422	070	075	**28.521**	**28.521**	**28.521**	28.521	28.521	-	-	-	
215	1128185	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Thạnh	422	070	075	**27.970**	**27.970**	**27.970**	27.970	27.970	-	-	-	
216	1128567	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 5	422	070	075	**12.552**	**12.552**	**12.552**	12.552	12.552	-	-	-	
217	1126867	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 6	422	070	075	**86.534**	**86.534**	**86.534**	86.534	86.534	-	-	-	
218	1126947	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 10	422	070	075	**146.918**	**146.918**	**146.918**	146.918	146.918	-	-	-	
219	1126076	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	422	070	075	**42.460**	**42.460**	**42.460**	42.460	42.460	-	-	-	
220	1125713	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Tân	422	070	075	**62.955**	**62.955**	**62.955**	62.955	62.955	-	-	-	
221	1125664	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 4	422	070	075	**61.397**	**61.397**	**61.397**	61.397	61.397	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5*	*5=6*	*6=7+8*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11*
222	1127767	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 7	422	070	075	**124.137**	**124.137**	**124.137**	124.137	124.137	-	-	-	
223	1126761	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 8	422	070	075	**43.691**	**43.691**	**43.691**	43.691	43.691	-	-	-	
224	1131149	Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Thủ Đức	422	070	075	**161.943**	**161.943**	**161.943**	161.943	161.943	-	-	-	
225	1126891	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Chánh	422	070	075	**146.619**	**146.619**	**146.619**	146.619	146.619	-	-	-	
226	1127104	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cần Giờ	422	070	075	**28.014**	**28.014**	**28.014**	28.014	28.014	-	-	-	
227	1126586	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nhà Bè	422	070	075	**24.674**	**24.674**	**24.674**	24.674	24.674	-	-	-	
228	1126654	Trung Tâm GDNN - GDTX Thuận An	422	070	075	**97.240**	**97.240**	**97.240**	97.240	97.240	-	-	-	
229	1126714	Trung Tâm GDNN - GDTX Dĩ An	422	070	075	**101.729**	**101.729**	**101.729**	101.729	101.729	-	-	-	
230	1126687	Trung Tâm GDNN - GDTX Tân Uyên	422	070	075	**87.866**	**87.866**	**87.866**	87.866	87.866	-	-	-	
231	1126673	Trung Tâm GDNN - GDTX Bến Cát	422	070	075	**78.767**	**78.767**	**78.767**	78.767	78.767	-	-	-	
232	1133676	Trung Tâm GDNN - GDTX Bàu Bàng	422	070	075	**57.524**	**57.524**	**57.524**	57.524	57.524	-	-	-	
233	1126616	Trung Tâm GDNN - GDTX Phú Giáo	422	070	075	**55.959**	**55.959**	**55.959**	55.959	55.959	-	-	-	
234	1126614	Trung Tâm GDNN - GDTX Dầu Tiếng	422	070	075	**65.536**	**65.536**	**65.536**	65.536	65.536	-	-	-	
235	1052356	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh	422	070	092	**85.980**	**85.980**	**85.980**	85.980	85.980	-	-	-	
236	1038348	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	422	070	092	**134.094**	**134.094**	**134.094**	134.094	134.094	-	-	-	
237	1117015	Trường Trung cấp Bách Nghệ TP.Hồ Chí Minh	422	070	092	**135.379**	**135.379**	**135.379**	135.379	135.379	-	-	-	
238	1135937	Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	422	070	092	**45.107**	**45.107**	**45.107**	45.107	45.107	-	-	-	
239	1135938	Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp	422	070	092	**39.898**	**39.898**	**39.898**	39.898	39.898	-	-	-	
240	1115619	Trường Trung cấp Mỹ Thuật - Văn hóa Bình Dương	422	070	092	**8.088**	**8.088**	**8.088**	8.088	8.088	-	-	-	
241	1086531	Trường Trung cấp nghề Củ Chi	422	070	092	**47.852**	**47.852**	**47.852**	47.852	47.852	-	-	-	
242	1048774	Trường Trung cấp nghề Nhân Đạo	422	070	092	**21.604**	**21.604**	**21.604**	21.604	21.604	-	-	-	
243	1006456	Trường Trung cấp nghề Bình Thạnh	422	070	092	**16.713**	**16.713**	**16.713**	16.713	16.713	-	-	-	
244	1038327	Trường Trung cấp nghề Quang Trung	422	070	092	**91.596**	**91.596**	**91.596**	91.596	91.596	-	-	-	
245	1019468	Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương	422	070	092	**102.760**	**102.760**	**102.760**	102.760	102.760	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025-2026	HỌC KỲ 1 NH 2026-2027	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*3*	*4=5*	*5=6*	*6=7+8*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11*
246	1044863	Trường Trung Cấp Đông Sài Gòn	422	070	092	**40.099**	**40.099**	**40.099**	40.099	40.099	-	-	-	
247	1120299	Trường Trung cấp Trần Đại Nghĩa	422	070	092	**35.632**	**35.632**	**35.632**	35.632	35.632	-	-	-	
248	1172467	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	422	070	075	**45.494**	**45.494**	**45.494**	45.494	45.494	-	-	-	
249	1172487	Trường THPT Hà Huy Tập	422	070	075	**48.545**	**48.545**	**48.545**	48.545	48.545	-	-	-	
250	1173224	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	422	070	075	**50.212**	**50.212**	**50.212**	50.212	50.212	-	-	-	
251	1173225	Trường THPT Phan Văn Hớn	422	070	075	**67.460**	**67.460**	**67.460**	67.460	67.460	-	-	-	
252	1172433	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Lê Thị Riêng	422	070	075	**53.746**	**53.746**	**53.746**	53.746	53.746	-	-	-	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH